ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ NGHI PHÚ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19 /QĐ-UBND	*Nghi Phú, ngày 09 tháng 01năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp xã thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Nghi Phú

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGHI PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Công chức Văn phòng - Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kèm theo Quyết định này danh mục 114/114 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND xã thực hiện theo cơ chế một cửa và danh mục 32 thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Nghi Phú *(có phụ lục kèm theo).*

Điều 2. Địa điểm công khai:

- Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND xã Nghi Phú

- Trang Thông tin điện tử xã Nghi Phú tại địa chỉ: https://nghiphu.vinh.nghean.gov.vn/

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các ban, ngành, đơn vị, cán bộ, công chức xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức công khai và thực hiện quy trình tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành đảm bảo đầy đủ, thống nhất theo các Danh mục thủ tục hành chính được công khai tại Điều 1 Quyết định này.

b) Căn cứ danh mục thủ tục hành chính được công khai tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành rà soát, cập nhật và tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với công chức Văn phòng-Thống kê thường xuyên rà soát, cập nhật đầy đủ thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ theo quy định đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã nhằm đảm bảo Danh mục thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện hành đảm bảo tính chuẩn hóa.

2. Công chức Văn phòng-Thống kê có trách nhiệm:

Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cán bộ, công chức xã trong việc triển khai thực hiện; đánh giá và tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND xã tình hình tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này. Chủ trì, phối hợp với các cán bộ, công chức chuyên môn UBND xã thường xuyên cập nhật, quản lý tốt danh mục thủ tục hành chính được công khai tại Điều 1 Quyết định này

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Lãnh đạo UBND xã, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã, công chức Văn phòng - Thống kê làm nhiệm vụ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính, cán bộ, công chức xã và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Văn phòng HĐND-UBND TP Vinh (bc);
- Lưu: VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Anh Hùng

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA UBND XÃ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của UBND xã Nghi Phú)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA

TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
1.	1.011606.000.00.00.H41	Một phần	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Bảo trợ xã hội (LĐTBXH)	
2.	1.010833.000.00.00.H41	Một phần	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Người có công (LĐTBXH)	
3.	1.010091.000.00.00.H41	Toàn trình	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (NN)	
4.	1.010092.000.00.00.H41	Toàn trình	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (NN)	
5.	2.002163.000.00.00.H41	Một phần	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (NN)	
6.	1.008004.000.00.00.H41	Một phần	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Trồng trọt (NN)	
7.	1.010736.000.00.00.H41	Một phần	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Môi trường (TNMT)	
8.	1.004859.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	Hộ tịch (TP)	
9.	2.000794.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Thể dục thể thao (VH)	

TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
10.	1.011607.000.00.00.H41	Một phần	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Bảo trợ xã hội (LĐTBXH)	
11.	2.002162.000.00.00.H41	Toàn trình	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (NN)	
12.	1.003596.000.00.00.H41	Một phần	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Nông nghiệp (NN)	
13.	2.000986.000.00.00.H41	Một phần	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch (TP)	
14.	2.001263.000.00.00.H41	Một phần	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi (TP)	
15.	1.005460.000.00.00.H41	Còn lại	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	Giải quyết tố cáo (TTr)	
16.	1.004441.000.00.00.H41	Toàn trình	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	Các cơ sở giáo dục khác (GD)	
17.	2.000206.000.00.00.H41	Toàn trình	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện (CT)	
18.	1.011608.000.00.00.H41	Một phần	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Bảo trợ xã hội (LĐTBXH)	
19.	1.011609.000.00.00.H41	Một phần	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Bảo trợ xã hội (LĐTBXH)	
20.	1.004946.000.00.00.H41	Một phần	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trẻ em (LĐTBXH)	
21.	2.002161.000.00.00.H41	Toàn trình	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (NN)	
22.	2.001255.000.00.00.H41	Một phần	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi (TP)	
23.	2.002409.000.00.00.H41	Còn lại	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Giải quyết khiếu nại (TTr)	

TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
24.	1.004492.000.00.00.H41	Một phần	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	Các cơ sở giáo dục khác (GD)	
25.	2.000184.000.00.00.H41	Toàn trình	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện (CT)	
26.	1.004944.000.00.00.H41	Một phần	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Trẻ em (LĐTBXH)	
27.	1.010941.000.00.00.H41	Còn lại	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	Phòng, chống tệ nạn xã hội (LĐTBXH)	
28.	1.004082.000.00.00.H41	Một phần	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Môi trường (TNMT)	
29.	1.003005.000.00.00.H41	Một phần	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Nuôi con nuôi (TP)	
30.	1.004443.000.00.00.H41	Một phần	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	Các cơ sở giáo dục khác (GD)	
31.	2.001947.000.00.00.H41	Một phần	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Trẻ em (LĐTBXH)	
32.	2.002165.000.00.00.H41	Một phần	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Bồi thường nhà nước (TP)	
33.	2.001457.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Phổ biến giáo dục pháp luật (TP)	
34.	1.003564.000.00.00.H41	Còn lại	Cấp lại Giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép Giấy chứng sinh	Dân số - Sức khoẻ sinh sản (YT)	
35.	1.004485.000.00.00.H41	Một phần	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	Các cơ sở giáo dục khác (GD)	
36.	1.004941.000.00.00.H41	Một phần	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Trẻ em (LĐTBXH)	

TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
37.	2.001621.000.00.00.H41	Còn lại	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Thuỷ lợi (NN)	
38.	2.001449.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	Phổ biến giáo dục pháp luật (TP)	
39.	1.008901.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	Thư viện (VH)	
40.	1.002192.000.00.00.H41	Còn lại	Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ.	Dân số - Sức khoẻ sinh sản (YT)	
41.	2.001810.000.00.00.H41	Một phần	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	Các cơ sở giáo dục khác (GD)	
42.	2.000355.000.00.00.H41	Một phần	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội (LĐTBXH)	
43.	2.001944.000.00.00.H41	Một phần	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Trẻ em (LĐTBXH)	
44.	1.003446.000.00.00.H41	Một phần	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thuỷ lợi (NN)	
45.	2.000373.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục công nhận hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật (TP)	
46.	1.008902.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	Thư viện (VH)	
47.	1.002150.000.00.00.H41	Còn lại	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Dân số - Sức khoẻ sinh sản (YT)	
48.	1.001699.000.00.00.H41	Còn lại	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội (LĐTBXH)	

TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
49.	2.001942.000.00.00.H41	Còn lại	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Trẻ em (LĐTBXH)	
50.	1.003440.000.00.00.H41	Còn lại	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thuỷ lợi (NN)	
51.	2.000333.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	Phổ biến giáo dục pháp luật (TP)	
52.	1.008903.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	Thư viện (VH)	
53.	1.003943.000.00.00.H41	Còn lại	Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ	Dân số - Sức khoẻ sinh sản (YT)	
54.	1.001653.000.00.00.H41	Còn lại	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội (LĐTBXH)	
55.	1.000775.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	Thi đua - khen thưởng (NV)	
56.	2.000509.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Tôn giáo Chính phủ (NV)	
57.	2.000930.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	Phổ biến giáo dục pháp luật (TP)	
58.	1.004088.000.00.00.H41	Còn lại	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa (cấp Xã)	Đường thuỷ nội địa (GT)	
59.	2.000346.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	Thi đua - khen thưởng (NV)	
60.	1.001028.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	Tôn giáo Chính phủ (NV)	

TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
61.	2.002080.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật (TP)	
62.	1.003622.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Văn hóa (VH)	
63.	1.004047.000.00.00.H41	Còn lại	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (cấp Xã)	Đường thuỷ nội địa (GT)	
64.	2.000337.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	Thi đua - khen thưởng (NV)	
65.	1.001055.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tôn giáo Chính phủ (NV)	
66.	1.000954.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	Văn hóa (VH)	
67.	2.001711.000.00.00.H41	Còn lại	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật (cấp Xã)	Đường thuỷ nội địa (GT)	
68.	1.000748.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	Thi đua - khen thưởng (NV)	
69.	1.001078.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	Tôn giáo Chính phủ (NV)	
70.	1.001120.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	Văn hóa (VH)	
71.	1.004002.000.00.00.H41	Còn lại	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Đường thuỷ nội địa (GT)	
72.	2.000385.000.00.00.H4	Toàn trình	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	Thi đua - khen thưởng (NV)	
73.	1.001085.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	Tôn giáo Chính phủ (NV)	

TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
74.	1.003970.000.00.00.H41	Còn lại	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Đường thuỷ nội địa (GT)	
75.	1.001090.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tôn giáo Chính phủ (NV)	
76.	1.006391.000.00.00.H41	Còn lại	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác (cấp Xã)	Đường thuỷ nội địa (GT)	
77.	1.001098.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	Tôn giáo Chính phủ (NV)	
78.	1.003930.000.00.00.H41	Còn lại	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Đường thuỷ nội địa (GT)	
79.	2.000744	Một phần	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	Bảo trợ xã hội (LĐTBXH)	
80.	1.001109.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	Tôn giáo Chính phủ (NV)	
81.	1.004036.000.00.00.H41	Còn lại	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa (cấp Xã)	Đường thuỷ nội địa (GT)	
82.	1.004964.000.00.00.H41	Một phần	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a	Người có công (LĐTBXH)	
83.	1.001156.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Tôn giáo Chính phủ (NV)	
84.	1.001167.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Tôn giáo Chính phủ (NV)	
85.	2.000751	Toàn trình	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Bảo trợ xã hội (LĐTBXH)	
86.	1.010820.000.00.00.H41	Một phần	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	Người có công (LĐTBXH)	

TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
87.	2.000908.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc (Cấp xã)	Chứng thực (TP)	
88.	2.000815.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận (Cấp xã)	Chứng thực (TP)	
89.	1.003554.000.00.00.H41	Còn lại	Hòa giải tranh chấp đất đai (cấp xã)	Đất đai (TNMT)	
90.	2.000884.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) (Cấp xã)	Chứng thực (TP)	
91.	2.000913.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch (Cấp xã)	Chứng thực (TP)	
92.	2.000927.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch (Cấp xã)	Chứng thực (TP)	
93.	2.000942.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực (Cấp xã)	Chứng thực (TP)	
94.	2.001035.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực (TP)	
95.	2.001019.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục chứng thực di chúc	Chứng thực (TP)	
96.	2.001016.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chứng thực (TP)	
97.	1.001193.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh.	Hộ tịch (TP)	
98.	2.001009.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sửa dụng đất, nhà ở	Chứng thực (TP)	
99.	1.000894.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục đăng ký kết hôn.	Hộ tịch (TP)	

TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
100.	2.001406.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực (TP)	
101.	1.001022.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con.	Hộ tịch (TP)	
102.	1.000689.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con.	Hộ tịch (TP)	
103.	1.000656.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch (TP)	
104.	1.003583.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch (TP)	
105.	1.000593.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động.	Hộ tịch (TP)	
106.	1.000419.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động.	Hộ tịch (TP)	
107.	1.004837.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục đăng ký giám hộ	Hộ tịch (TP)	
108.	1.004845.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch (TP)	
109.	1.004873.000.00.00.H41	Toàn trình	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch (TP)	
110.	1.004884.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch (TP)	
111.	1.004772.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch (TP)	
112.	1.004746.000.00.00.H41	Một phần	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch (TP)	

TT	Mã TTHC	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mã QR
113.	1.005461.000.00.00.H41	Một phần	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch (TP)	
114.	2.000635.000.00.00.H41	Toàn trình	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	Hộ tịch (TP)	

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG

TT	Mã TTHC	Cấp liên thông	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực
1.	33508	Liên thông cấp huyện/xã	Liên thông Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Bảo trợ xã hội (LĐTBXH)
2.	39498	Liên thông cấp huyện/xã	Liên thông thực hiện Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.	Bảo trợ xã hội (LĐTBXH)
3.	39499	Liên thông cấp huyện/xã	Liên thông thủ tục Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Bảo trợ xã hội (LĐTBXH)
4.	39493	Liên thông cấp huyện/xã	Liên thông thủ tục Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội (LĐTBXH)
5.	39495	Liên thông cấp huyện/xã	Liên thông thủ tục Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	Bảo trợ xã hội (LĐTBXH)
6.	39496	Liên thông cấp huyện/xã	Liên thông thủ tục Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	Bảo trợ xã hội (LĐTBXH)
7.	39490	Liên thông cấp huyện/xã	Liên thông thủ tục Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Bảo trợ xã hội (LĐTBXH)

TT	Mã TTHC	Cấp liên thông	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực
8.		Liên thông cấp huyện/xã	Liên thông thủ tục Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng chống tê nạn XH (LĐTBXH)
9.	37832	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sỹ	Người có công (LĐTBXH)
10.	37836	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	Người có công (LĐTBXH)
11.	37837	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Người có công (LĐTBXH)
12.	Không có trên cổng DV công tỉnh	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an.	Người có công (LĐTBXH)
13.	Không có trên cổng DV công tỉnh	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý.	Người có công (LĐTBXH)
14.	Không có trên cổng DV công tỉnh	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sỹ	Người có công (LĐTBXH)
15.	Không có trên cổng DV công tỉnh	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi đối với người hoạt động cách mạng	Người có công (LĐTBXH)
16.	37840	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	Người có công (LĐTBXH)
17.	Không có trên cổng DV	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	Người có công (LĐTBXH)

TT	Mã TTHC	Cấp liên thông	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực
	công tỉnh			
18.	37841	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày.	Người có công (LĐTBXH)
19.	37842	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.	Người có công (LĐTBXH)
20.	37844	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Giải quyết chế độ đối với người có công giúp đỡ cách mạng.	Người có công (LĐTBXH)
21.	Không có trên cổng DV công tỉnh	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ Đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	Người có công (LĐTBXH)
22.	Không có trên cổng DV công tỉnh	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Người có công (LĐTBXH)
23.	37833	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	Người có công (LĐTBXH)
24.	34542	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công (LĐTBXH)
25.	34542	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công (LĐTBXH)
26.	37848	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chia	Người có công (LĐTBXH)
27.	Không có trên cổng	Liên thông cấp tỉnh/huyện	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Người có công (LĐTBXH)

TT	Mã TTHC	Cấp liên thông	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực
	DV công tỉnh	/xã		
28.	Không có trên cổng DV công tỉnh	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Người có công (LĐTBXH)
29.	Không có trên cổng DV công tỉnh	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Người có công (LĐTBXH)
30.	37843	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi.	Người có công (LĐTBXH)
31.	Không có trên cổng DV công tỉnh	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Bảo trợ xã hội (LĐTBXH)
32.	Không có trên cổng DV công tỉnh	Liên thông cấp tỉnh/huyện /xã	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	Bảo trợ xã hội (LĐTBXH)